

Bản án số: 478/2024/DS-ST

Ngày: 23/7/2024.

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phạm Thị Ngọc.

2- Bà Nguyễn Phước Trinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:*
Ông Võ Ngọc Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1951; địa chỉ: Số C, đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/12/2023) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, Đường số C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Nguyễn Thị Kim N là cháu của bà, gọi bà bằng dì. Trong năm 2019-2020, bà rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng A – Chi nhánh N1 cho N mượn nhiều lần:

- Lần 1: Bà cho N mượn 100.000.000 đồng vào ngày 22/01/2019, không làm giấy tờ mượn tiền.

- Lần 2: Bà cho N mượn 260.000.000 đồng vào tháng 7/2020 (không làm giấy tờ mượn tiền, do tuổi cao nên bà không nhớ ngày).

- Lần 3: Bà cho N mượn 66.000.000 đồng vào tháng 10/2020 (không làm giấy tờ mượn tiền).

- Lần 4: Bà cho N mượn 40.000.000 đồng trong năm 2020, do không làm giấy tờ mượn tiền nên không nhớ ngày tháng.

Tổng cộng là 466.000.000 đồng.

Khoảng 02 tháng sau, khoảng tháng 02/2021, N mượn thêm 25.000.000 đồng để góp mua xe máy. Khoảng tháng 3/2021, N mượn thêm 10.000.000 đồng để trả ngân hàng. Tổng cộng N mượn của bà 501.000.000 đồng.

Bà đòi nhiều lần nhưng N không trả. Bà nhắn tin, N nhắn tin sẽ trả nhưng cũng không thực hiện. Bà yêu cầu Tòa án buộc Nguyễn Thị Kim N trả số tiền vốn gốc là 501.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số tiền 100.000.000 đồng từ tháng 02/2019 đến tháng 12/2023 là 58 tháng, lãi suất 0,83%/tháng là 48.140.000 đồng.

- Số tiền 260.000.000 đồng từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2023 là 38 tháng, lãi suất 0,83%/tháng là 82.004.000 đồng.

- Số tiền 66.000.000 đồng từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2023 là 35 tháng, lãi suất 0,83%/tháng là 23.100.000 đồng.

- Số tiền 40.000.000 đồng từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2023 là 34 tháng, lãi suất 0,83%/tháng là 11.288.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 164.532.000 đồng. Riêng số tiền vốn gốc 35.000.000 đồng bà N mượn sau bà không yêu cầu tính lãi.

Bà yêu cầu Tòa án buộc Nguyễn Thị Kim N trả cho bà số tiền vốn gốc vay là 501.000.000 đồng và tiền lãi là 164.532.000 đồng, tổng vốn và lãi là 700.532.000 đồng.

* Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/3/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Ngoài số tiền bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Nguyễn Thị Kim N trả số tiền vốn gốc vay và tiền lãi tổng cộng là 700.532.000 đồng thì bà còn chuyển khoản cho N mượn 02 lần tiền tổng cộng là 360.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 21/01/2022, bà chuyển khoản cho N mượn số tiền 100.000.000 đồng; ngày 25/01/2022, bà chuyển khoản cho N mượn số tiền 260.000.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Nguyễn Thị Kim N trả số tiền vốn gốc vay 02 lần chuyển khoản là 360.000.000 đồng và tiền lãi là 77.688.000 đồng, tổng cộng là 437.688.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 19/3/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà nhận được thông báo thụ lý số 164/TB-TLVA về việc bà S kiện đòi bà số tiền 501.000.000 đồng và tiền lãi 164.532.000 đồng, tổng cộng 700.532.000 đồng. Bà xác định không vay tiền của bà S, bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà S.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 24/4/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Đơn kiện ngày 02/01/2024, bà S nói đã đưa bà bằng tiền mặt rút từ sổ tiết kiệm và vào khoảng thời gian bà S đã ghi trên đơn là vu khống. Vì khoảng thời gian bà S ghi trong đơn này, bà chưa bao giờ mượn tiền bà S và chưa bao giờ nhận tiền mặt từ bà S. Bà bác bỏ hoàn toàn đơn kiện và các chứng cứ kèm theo của đơn kiện ngày 02/01/2024.

Đơn kiện ngày 29/03/2024, bà có nhận chuyển khoản từ bà S nhưng bà không mượn tiền bà S. Các lý do bà đã nêu ở lần hoà giải đầu tiên, bà xin nói thêm không chỉ chăm bà S trong bệnh viện lúc mổ ung thư mà bà còn phải đưa bà S đi bệnh viện hoá trị, xạ trị nhiều lần và bà phải đến bệnh viện hàng tháng để lấy thuốc uống thêm cho bà S 3 hay 4 năm gì đó.

Bà S liên tục nói thương ba của bà với người trong nhà và họ hàng gần xa. Thấy việc trái với luân thường đạo lý, anh của bà không muốn cho bà S ghé nhà nhưng bà S vẫn lén đến nhà gặp ba của bà. Hiện tại, bà S có 2 nguồn thu nhập hơn 20 triệu mỗi tháng gồm tiền cho thuê từ căn nhà mà ba má của bà đã giúp đỡ ở H và căn nhà từ tài sản thừa kế của ông ngoại của bà ở Tây Ninh. Bà không quan tâm đến việc riêng tư của bà S nhưng từ những việc này cho thấy bà S còn rất minh mẫn, biết tính toán, suy nghĩ và cuộc sống không khó khăn.

Bà có thể kiện bà S đã vu khống nhưng nghĩ lại bà thấy bà S neo đơn, đi làm thì vài tháng cũng nghỉ việc, cả cuộc đời ăn nhờ ở đậu nhà người khác. Bà thấy không cần thiết và bà cũng không có thời gian. Bà thấy nên để đầu óc ổn định để đi làm công hiến cho xã hội sẽ tốt hơn.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hoà giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Bà Nguyễn Thị L, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị S, trình bày:

- Tại biên bản đối chất ngày 01/4/2024, bà N thừa nhận có nhận của bà S 02 lần tiền do bà S rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng A – Chi nhánh N1 cụ thể, một lần là 100.000.000 đồng, một lần là 130.000.000 đồng, tổng cộng hai lần là 230.000.000 đồng. Cũng tại biên bản đối chất ngày 01/4/2024, bà N thừa nhận có nhận chuyển khoản từ bà S 02 lần, lần thứ nhất ngày 25/01/2022 số tiền 100.000.000 đồng, lần thứ hai ngày 25/01/2022 số tiền 260.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần là 360.000.000 đồng. Việc bà N cho rằng bà S cho bà N số tiền nêu trên là hoàn toàn không có cơ sở vì bà S không thừa nhận.

- Bà yêu cầu Tòa án buộc bà N trả cho bà S số tiền vốn gốc vay là 590.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà N, cụ thể: Số tiền vốn gốc là 271.000.000 đồng (theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2024, bà S yêu cầu bà N trả số tiền vốn gốc là 501.000.000 đồng, nay chỉ yêu cầu bà N trả số tiền vốn gốc là 230.000.000 đồng, là số tiền bà N thừa nhận có nhận của bà S) và toàn bộ tiền lãi bà S nêu tại hai đơn khởi kiện là 164.532.000 đồng và 77.688.000 đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt nên không có ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà N phải trả số tiền 590.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà N trả số tiền 271.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà N trả số tiền lãi suất phát sinh trên số tiền vốn gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

* Về nội dung:

[3] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà Phạm Thị S và bà Nguyễn Thị Kim N có quan hệ là dì cháu, bà S là em ruột mẹ của bà N. Bà S cho bà N vay nhiều lần tiền nhưng không làm giấy tờ vay mượn. Khi xảy ra mâu thuẫn, bà S yêu cầu bà N trả tiền, qua tin nhắn bà N hứa trả nhưng bà N không trả tiền cho bà S nên phát sinh tranh chấp.

[4] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị S, rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải trả tiền vốn gốc là 271.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi tại hai đơn khởi kiện là 164.532.000 đồng và 77.688.000 đồng, tổng cộng tiền lãi là 242.220.000 đồng, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Xét nguyên đơn bà S yêu cầu buộc bị đơn bà N trả số tiền vốn gốc vay là 590.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ nội dung biên bản đối chất ngày 01/4/2024: Bà N thừa nhận có nhắn tin hứa trả tiền cho bà S do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà N có vay tiền của bà S nhưng chưa trả; bà N thừa nhận có nhận của bà S 02 lần tiền mặt do bà S rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng A – Chi nhánh N1 cụ thể, một lần là 100.000.000 đồng, một lần là 130.000.000 đồng, tổng cộng hai lần là 230.000.000 đồng; bà N thừa nhận có nhận chuyển khoản từ bà S 02 lần, lần thứ nhất ngày 25/01/2022 số tiền 100.000.000 đồng, lần thứ hai ngày 25/01/2022 số tiền 260.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần là 360.000.000 đồng. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà S có cho bà N vay 02 lần tiền mặt tổng cộng là 230.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà N 02 lần tiền tổng cộng là 360.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà S, buộc bà N trả cho bà S số tiền vốn gốc vay là 590.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét bị đơn bà N không đồng ý trả tiền cho bà S, lý do: Bà N cho rằng bà là người chăm sóc bà S khi bà S bệnh; số tiền bà S rút tiết kiệm giao cho bà và chuyển khoản cho bà là tiền bà S cho bà, không phải bà S cho bà vay. Lời trình bày của bà N không được bà S thừa nhận, mâu thuẫn các tin nhắn bà N hứa trả tiền cho bà S, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà N.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát như trên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị S:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải trả số tiền vốn gốc vay là 271.000.000 (hai trăm bảy mươi một triệu) đồng và tiền lãi tổng cộng là 242.220.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị S số tiền vốn vay là 590.000.000 (năm trăm chín mươi triệu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà N còn phải trả cho bà S tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.600.000 (hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

- Bà Phạm Thị S là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 128 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; “Cấm xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989, số căn cước công dân 079189031622”, nơi thường trú: Số H, đường D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số B, Đường C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND H. Củ Chi (02b);
- Chi cục THA Dân sự H. Củ Chi (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu: Vp, hồ sơ (02b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm